

Họ & tên:..... Lớp:

Câu 1: Có mấy dạng biểu đồ phổ biến mà em đã được học?

- A. 5 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 2: Định dạng là?

- A. không làm thay đổi nội dung của các ô tính
B. làm thay đổi nội dung của các ô tính
C. chỉ cần thay đổi phông chữ
D. chỉ cần thay đổi cỡ chữ

Câu 3: Muốn thay đổi cỡ chữ trên trang tính, em chọn:

- A. Nháy vào mũi tên ở ô Font size, chọn cỡ chữ thích hợp
B. Ô (hoặc các ô) cần định dạng, nháy vào mũi tên ở ô Font size, chọn cỡ chữ thích hợp
C. Các ô cần định dạng, chọn Font color, chọn cỡ chữ, chọn OK
D. Các ô cần định dạng, chọn Format, chọn cỡ chữ, chọn OK

Câu 4: Muốn sắp xếp theo **thứ tự giảm dần** ta sử dụng nút lệnh:

- A.  B.  C.  D. 

Câu 5: Biểu đồ hình tròn dùng để so sánh dữ liệu giữa các cột với nhau?

- A. Đúng B. Sai

Câu 6: Để vẽ biểu đồ ta $y = 9x + 3$ ta dùng lệnh nào sau đây?

- A. Expand B. Solve C. Simplify D. Plot

Câu 7: Để vẽ biểu đồ hình cột ta chọn lệnh nào sau đây?

- A. Insert → Chart → Column C. Insert → Chart → Line
B. Insert → Chart → Pie D. Insert → Chart → Bar

Câu 8: Để điều chỉnh các trang in được hợp lí, chúng ta phải làm gì?

- A. Điều chỉnh dấu ngắt trang B. Thay đổi hướng giấy in
C. Định dạng phông chữ D. Định dạng màu chữ

Câu 9: Để lấy ra 2 học sinh có điểm trung bình cao nhất ta chọn lệnh nào sau đây?

- A. Data/Filter/Number Filter/Top 10 C. Data/Filter/Number Filter/Bottom 10
B. Data/Filter/Number Filter/Bottom 2 D. Data/Filter/Number Filter/Top 2

Câu 10: Nút lệnh **Fill Color** dùng để

- A. Tô màu nền B. Kẻ đường biên trong ô tính
C. Tô màu chữ D. Tô màu đường viền

Câu 11: Để sắp xếp điểm của 1 cột nào đó theo **thứ tự tăng dần (VD cột TIN HỌC)** **bước đầu tiên ta thực hiện là?**

- A. Bấm vào biểu tượng  B. Tô đen hết bảng dữ liệu
C. Bấm chọn nút  D. Chỉ chọn vùng dữ liệu cần sắp xếp

Câu 12: Khi nội dung của dữ liệu tạo biểu đồ thay đổi thì phải tạo lại một biểu đồ mới?

- A. Đúng B. Sai

Câu 13: Để **Lọc** dữ liệu, em dùng lệnh nào?

- A. Data\Filter B. Lệnh khác.
C. Data\Sort D. Data\Filter\AutoFilter

Câu 14: Để **gộp** các ô lại với nhau ta sử dụng nút lệnh:

- A.  B.  C.  D. 

Câu 15: Để kẻ đường biên trang tính ta chọn biểu tượng nào sau đây?

- A.  B.  C.  D. 

Câu 16: Nút lệnh nào được dùng để chọn màu chữ?

- A.  B.  C.  D. 

Câu 17: Các nút lệnh  dùng để làm gì trong máy tính?

- A. Điều chỉnh cỡ chữ B. Điều chỉnh Font chữ
C. Điều chỉnh màu chữ D. Điều chỉnh kiểu chữ

Câu 18: Phát biểu nào sau đây là không đúng?

- A. Biểu đồ trình bày thông tin dưới dạng hình ảnh.
B. Có thể lựa chọn màu sắc và kiểu biểu đồ tùy theo ý muốn
C. Khi nội dung dữ liệu được thay đổi ta phải vẽ lại biểu đồ mới
D. Biểu đồ hình cột dùng để so sánh giá trị dữ liệu các cột với nhau.

Câu 19: Biểu tượng nào dùng để thay đổi cỡ chữ (font size)?

- A.  B.  C.  D. 

Câu 20: Để định dạng kiểu chữ đậm ta sử dụng nút lệnh

- A.  B.  C.  D. 

Câu 21: Để chọn hướng giấy đọc cho trang tính em chọn ?

- A. Portal B. Landscape C. Portrait D. Page Layout

Câu 22: Để đặt lề phải của bảng tính ta chọn:

- A. Left B. Top C. Bottom D. Right

Câu 23: Để tăng chữ số thập phân ta sử dụng lệnh:

- A.  B.  C.  D. 

Câu 24: Sắp xếp dữ liệu là?

- A. Chọn lệnh AutoFilter
B. Chỉ sắp xếp các hàng theo thứ tự tăng dần
C. Hoán đổi vị trí các hàng của bảng dữ liệu trong một hay nhiều cột được sắp theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần
D. Chọn và chỉ hiển thị các hàng thỏa mãn các tiêu chuẩn nhất định nào đó

Câu 25: Câu lệnh nào sau đây thêm tiêu đề biểu đồ?

- A. Axis Title B. Chart Title C. Legend D. Data Labels

Câu 26: Để sắp xếp dữ liệu, em dùng lệnh nào?

- A. Data\Filter B. Data\Filter\AutoFilter
C. Data\Sort D. Lệnh khác.

Câu 27: Để tính toán biểu thức sau $3x^3 + x^2 - 1$

- A. Simplify B. Expand C. Plot D. Solve

Câu 28: Để điều chỉnh dấu ngắt trang cho trang tính ta chọn lệnh nào trong các lệnh sau?

- A. File → Page break Preview B. Edit → Page Break Preview
C. Insert → Page break Preview D. View → Page Break Preview

II. TỰ LUẬN: (3 điểm)

Câu 1. Kể tên các dạng biểu đồ em đã học? Công dụng của từng biểu đồ? (1đ)

Câu 2. Mục đích của việc xem trước khi in? (0.5đ)

Câu 3. Cho bảng điểm học sinh Lớp 7A như sau: (1.5đ)

STT	HỌ TÊN	TOÁN	VĂN	TIN	ĐTB
-----	--------	------	-----	-----	-----

1	Lê Hoài An	8	8	8	8
2	Huỳnh Thái An	8	9	7	8
3	Nguyễn Cát Khánh	8	5	9	7.33
4	Trần Tín Nghĩa	7	8	10	8.33
5	Lê Minh Tâm	9	6	8	7.67

- Nêu cách sắp xếp cột điểm TB tăng dần? (0.5đ)
- Nêu các lọc học sinh có điểm trung bình 8 điểm? (0.5đ)
- Nêu lên cách để vẽ một biểu đồ cho bảng dữ liệu trên? (0.5đ)